

V/v báo cáo kết quả công tác tư pháp
6 tháng đầu năm và nhiệm vụ, giải pháp
công tác 6 tháng cuối năm 2020

Quảng Trị, ngày *29* tháng 5 năm 2020

Kính gửi: Các phòng, đơn vị thuộc Sở

Thực hiện Thông tư số 12/2019/TT-BTP ngày 31/12/2019 của Bộ Tư pháp quy định chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý của Bộ Tư pháp; để có cơ sở tổng hợp báo cáo trình UBND tỉnh; để có cơ sở tổng hợp báo cáo trình UBND tỉnh, Giám đốc Sở yêu cầu các phòng, đơn vị trực thuộc báo cáo về kết quả công tác tư pháp 6 tháng đầu và nhiệm vụ, giải pháp công tác 6 tháng cuối năm 2020; thống kê số liệu theo hướng dẫn sau:

1. Xây dựng Báo cáo công tác tư pháp

a. Phạm vi báo cáo

- Chương trình công tác tư pháp năm 2020.
- Tình hình thực hiện kế hoạch công tác tư pháp năm 2020 của phòng, của đơn vị.
- Những lĩnh vực công tác quan trọng, nổi bật khác.

b. Nội dung báo cáo

- Những kết quả công việc đã hoàn thành, đạt tỷ lệ phần trăm so với mục tiêu, chỉ tiêu của cả năm 2020 và so sánh với kết quả 6 tháng đầu năm 2019 (kèm theo số liệu, dẫn chứng cụ thể).
- Những hạn chế, bất cập, vướng mắc trong công tác; nguyên nhân của những hạn chế, bất cập, vướng mắc.
- Đề xuất các nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm thực hiện công tác tư pháp 6 tháng cuối năm 2020.
- Kiến nghị đối với công tác chỉ đạo, điều hành của Sở Tư pháp, Bộ Tư pháp (nếu có).

(Gửi kèm theo Công văn này Đề cương Báo cáo kết quả công tác tư pháp 6 tháng đầu năm và nhiệm vụ, giải pháp công tác 6 tháng cuối năm 2020 để các phòng, đơn vị nghiên cứu, xây dựng báo cáo theo lĩnh vực mình phụ trách)

2. Về công tác thống kê số liệu công tác tư pháp

- Các phòng, đơn vị trực thuộc Sở Tư pháp thực hiện 13 biểu mẫu quy định tại Thông tư số 03/2019/TT-BTP ngày 20/3/2019 của Bộ Tư pháp quy định một số nội dung về hoạt động thống kê của ngành Tư pháp (bao gồm các biểu mẫu: 01c, 04b, 08b, 09d, 11d, 12b, 17c, 19, 20a, 21, 22c, 24, 25).

Lưu ý: Nhập số liệu báo cáo thống kê vào phần mềm thống kê Ngành Tư pháp.

3. Thời gian, thời hạn và địa chỉ gửi báo cáo, thống kê số liệu

a) Thời gian báo cáo sơ kết, thống kê số liệu: Số liệu thống kê tính từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/5/2020 (số liệu ước tính của tháng 6/2020 sẽ do Bộ Tư pháp thực hiện).

b) Thời hạn, địa chỉ gửi báo cáo sơ kết, thống kê số liệu: Báo cáo được gửi về Văn phòng Sở Tư pháp bằng hình thức văn bản đồng gửi kèm bản điện tử theo địa chỉ hộp thư: hoangngochanh@quangtri.gov.vn trước ngày **18/6/2020**.

Lưu ý: Việc gửi Báo cáo, biểu mẫu thống kê bảo đảm về chất lượng, hình thức và thời hạn theo đúng yêu cầu của Công văn này là một trong những tiêu chí để bình xét thi đua năm 2020.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, VP.



GIÁM ĐỐC

Hoàng Kỳ

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO
Sơ kết công tác tư pháp 6 tháng đầu năm
và nhiệm vụ, giải pháp công tác 6 tháng cuối năm 2020

Phần thứ nhất:
TÌNH HÌNH CÔNG TÁC TƯ PHÁP 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2020

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH

- Triển khai các văn bản của cấp trên;
- Kiểm tra, hướng dẫn về công tác chuyên môn, nghiệp vụ.

II. TÌNH HÌNH CÔNG TÁC TRONG CÁC LĨNH VỰC CỤ THỂ

1. Công tác xây dựng, thẩm định, kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa VBQPPL

- Về xây dựng pháp luật, thẩm định, góp ý VBQPPL: Nêu rõ số lượng, đánh giá về chất lượng công tác xây dựng pháp luật, thẩm định (bao gồm cả việc chuẩn bị hồ sơ thẩm định), góp ý VBQPPL.

- Về kiểm tra VBQPPL: Kết quả kiểm tra theo thẩm quyền, trong đó nêu rõ số lượng văn bản được kiểm tra? số văn bản trái pháp luật đã được phát hiện? trong đó, bao nhiêu văn bản sai nội dung? bao nhiêu văn bản sai thẩm quyền? bao nhiêu văn bản sai cả nội dung và thẩm quyền? bao nhiêu văn bản sai khác? Đánh giá về hậu quả của việc ban hành văn bản trái pháp luật; đồng thời gửi kèm danh mục những văn bản trái pháp luật về nội dung, thẩm quyền đã được phát hiện qua công tác kiểm tra theo thẩm quyền (nếu có).

Kết quả xử lý văn bản trái pháp luật: số văn bản đã được xử lý, số văn bản chưa được xử lý? việc xử lý trách nhiệm do ban hành văn bản trái pháp luật.

- Về công tác rà soát, hệ thống hoá văn bản QPPL: Kết quả rà soát thường xuyên, rà soát theo chuyên đề, lĩnh vực; việc công bố văn bản hết hiệu lực.

- Kết quả tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ và bố trí kinh phí, nhân lực cho công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa.

2. Công tác quản lý nhà nước về phổ biến, giáo dục pháp luật; xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; hòa giải ở cơ sở

- Việc xây dựng, hoàn thiện thể chế, chính sách về công tác PBGDPL; các văn bản, kế hoạch triển khai, hướng dẫn công tác PBGDPL năm 2020.

- Kết quả triển khai thực hiện Luật phổ biến, giáo dục pháp luật và các văn bản hướng dẫn thi hành; triển khai Quyết định số 705/QĐ-TTg ngày 25/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình PBGDPL giai đoạn 2017-2021 và các Đề án về PBGDPL; triển khai các Chương trình phối hợp về công tác PBGDPL với các cơ quan, tổ chức, đơn vị khác (nếu có). Việc triển khai

thực hiện Quyết định số 14/2019/QĐ-TTg ngày 13/3/2019 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng, quản lý, khai thác Tủ sách pháp luật; Quyết định số 471/QĐ-TTg ngày 28/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật giai đoạn 2019-2021”. Kết quả củng cố kiện toàn đội ngũ báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật; PBGDPL cho các đối tượng đặc thù và công tác PBGDPL trong trường học; công tác PBGDPL về các vấn đề được dư luận xã hội quan tâm, trong đó có nội dung về phòng, chống dịch bệnh Covid-19.

- Kết quả triển khai thực hiện Luật hòa giải ở cơ sở và các văn bản hướng dẫn thi hành; kết quả hoạt động của Tổ hòa giải ở cơ sở. Việc triển khai thực hiện Quyết định số 428/QĐ-TTg ngày 18/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Nâng cao năng lực đội ngũ hòa giải viên ở cơ sở giai đoạn 2019 - 2022".

- Kết quả thực hiện quy định về xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật: Các hoạt động đã thực hiện; kết quả đánh giá, công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2019 (số đơn vị cấp xã đạt chuẩn, chưa đạt chuẩn).

- Số liệu và đánh giá về kinh phí dành cho công tác PBGDPL, xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật ở 3 cấp (tỉnh, huyện, xã) và hỗ trợ công tác hòa giải ở cơ sở năm 2020 tại địa phương.

3. Công tác quản lý xử lý vi phạm hành chính, theo dõi thi hành pháp luật

- Công tác quản lý xử lý vi phạm hành chính;

- Công tác theo dõi thi hành pháp luật (việc thi hành Nghị định số 59/2012/NĐ-CP, Nghị định số 32/2020/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2012/NĐ-CP; kiểm tra về tình hình thi hành pháp luật; các lĩnh vực trọng tâm đã thực hiện...). Tình hình thực hiện “Đề án Đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác tổ chức thi hành pháp luật” giai đoạn năm 2018 – 2022 (theo Quyết định số 242/QĐ-TTg ngày 26/02/2018 của Thủ tướng Chính phủ).

- Tình hình thực hiện nhiệm vụ về cải thiện điểm số và duy trì thứ hạng chỉ số Chi phí tuân thủ pháp luật (chỉ số B1) trong 6 tháng đầu năm 2020 theo Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01/01/2020 của Chính phủ và Công văn số 883/BTP-QLXLVPHC&TDTHPL ngày 13/3/2020 của Bộ Tư pháp về việc hướng dẫn triển khai các hoạt động nhằm nâng xếp hạng chỉ số B1 năm 2020.

4. Công tác hộ tịch, quốc tịch, chứng thực, nuôi con nuôi, lý lịch tư pháp, bồi thường nhà nước

- Về công tác hộ tịch, đề nghị:

+ Báo cáo kết quả thực hiện Luật hộ tịch và các văn bản quy định chi tiết thi hành; việc đào tạo, bồi dưỡng, kiện toàn đội ngũ công chức làm công tác hộ tịch; kết quả triển khai thực hiện Đề án cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử toàn quốc (lưu ý về kết quả xây dựng và thực hiện Kế hoạch số hóa dữ liệu hộ tịch lịch sử).

+ Kết quả thực hiện Chương trình hành động quốc gia về đăng ký, thống kê hộ tịch: tập trung đánh giá tình hình đăng ký khai sinh cho trẻ em, tình trạng đăng ký khai sinh quá hạn hoặc trẻ em không được đăng ký khai sinh do có vướng mắc, khó

khăn (có thống kê số liệu, nguyên nhân của những trường hợp chưa được ĐKKS là trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt như: trẻ em bị bỏ rơi; trẻ em chưa xác định được cha/mẹ, trẻ em được nhận làm con nuôi, trẻ em sống trong Cơ sở bảo trợ xã hội).

+ Tình hình triển khai thực hiện Đề án liên thông thủ tục hành chính đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hưởng chế độ tử tuất/hưởng chi phí mai táng/hưởng mai táng phí.

- Về công tác quốc tịch, đề nghị:

+ Báo cáo tình hình triển khai thực hiện nghị định số 16/2020/NĐ-CP ngày 03/02/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Quốc tịch Việt Nam.

+ Đánh giá tình hình thực hiện tại 10 tỉnh có chung đường biên giới với Lào “Thỏa thuận giữa Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam với Chính phủ nước CHDCND Lào về giải quyết vấn đề người di cư tự do và kết hôn không giá thú trong vùng biên giới hai nước”;

+ Đối với 16 tỉnh thực hiện Tiêu Đề án 2 “Giải quyết vấn đề quốc tịch, hộ tịch, hộ khẩu và giấy tờ tùy thân khác cho người di cư tự do từ Campuchia về nước” (An Giang, Đồng Tháp, Long An, Kiên Giang, Bình Phước, Đắk Nông, Đắk Lắk, Gia Lai, Kon Tum, Tây Ninh, Đồng Nai, Cà Mau, Bình Dương, Sóc Trăng, Trà Vinh, Vĩnh Long), đề nghị báo cáo: (1) Tổng số người di cư tự do từ Campuchia về cư trú tại địa phương tính đến thời điểm báo cáo (được chia thành 04 nhóm theo hướng dẫn của Bộ Tư pháp); (2) Những nhiệm vụ đã triển khai và kết quả đạt được (số trẻ em là con người di cư được đăng ký khai sinh, số người được cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam; số người đã được cấp Thẻ thường trú).

- Về lĩnh vực chứng thực, báo cáo tình hình thi hành Nghị định 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch; việc triển khai thi hành Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/03/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP.

- Về công tác nuôi con nuôi, trong đó nhấn mạnh các nội dung: (1) Việc triển khai Nghị định số 24/2019/NĐ-CP ngày 5/3/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 19/2011/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật nuôi con nuôi; Chỉ thị số 03/CT-TTg ngày 19/01/2018 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường công tác giải quyết việc nuôi con nuôi trong tình hình mới; Quy chế phối hợp liên ngành giữa Bộ Tư pháp và Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về giải quyết việc nuôi con nuôi và chỉ đạo của Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về tăng cường công tác nuôi con nuôi tại địa phương; (2) công tác quản lý nhà nước về nuôi con nuôi; (3) tình hình đăng ký nuôi con nuôi trong nước (tổng số trường hợp đăng ký, số vụ việc bị thu hồi, hủy bỏ; chấm dứt việc nuôi con nuôi; nuôi con nuôi ở khu vực biên giới; con nuôi nhà chùa; việc thay đổi hộ tịch của con nuôi); (4) tình hình đăng ký nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài (tổng số

trường hợp đăng ký, số vụ việc bị thu hồi, hủy bỏ; công tác lập danh sách trẻ em cần tìm gia đình thay thế; số lượng cơ sở nuôi dưỡng tham gia vào công tác việc nuôi con nuôi).

- Về công tác lý lịch tư pháp (LLTP), trong đó nhấn mạnh các nội dung: (1) kết quả chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện các văn bản, đề án trong lĩnh vực LLTP; (2) tình hình cấp phiếu LLTP: Tổng số hồ sơ yêu cầu cấp Phiếu; tổng số Phiếu đã cấp; tổng số Phiếu cấp đúng hạn, cấp trễ hạn; việc triển khai cấp phiếu LLTP qua dịch vụ bưu chính, đăng ký cấp phiếu LLTP trực tuyến; việc triển khai thực hiện Quy chế số 02/QCPH-TTLLTPQG-C53 ngày 29/6/2018 về việc phối hợp tra cứu, xác minh thông tin để cấp Phiếu LLTP; (3) công tác xây dựng cơ sở dữ liệu LLTP: Tổng số thông tin LLTP nhận được; tổng số thông tin LLTP đã xử lý; tổng số bản LLTP đã lập và số tồn chưa xử lý; (4) việc rà soát đối tượng người bị kết án đương nhiên được xóa án tích theo Nghị quyết số 41/2017/QH14 của Quốc hội; (5) Về phối hợp liên ngành trong công tác LLTP.

- Về công tác bồi thường nhà nước, trong đó nhấn mạnh các nội dung: (1) Tình hình thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về công tác bồi thường nhà nước; (2) tình hình thực hiện giải quyết bồi thường nhà nước theo quy định của pháp luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước.

5. Quản lý nhà nước về hỗ trợ tư pháp, trợ giúp pháp lý, hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp

- Tình hình tổ chức và hoạt động của luật sư trong nước, của tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài tại Việt Nam; tình hình tổ chức và hoạt động công chứng; tình hình tổ chức và hoạt động bán đấu giá tài sản; tình hình tổ chức, hoạt động và quản lý giám định tư pháp; quản tài viên và hành nghề quản lý, thanh lý tài sản và hoạt động hành nghề quản lý, thanh lý tài sản; hoạt động hòa giải thương mại; tình hình tổ chức và hoạt động thừa phát lại; tình hình tổ chức và hoạt động trọng tài thương mại; việc xây dựng, phát triển Phòng công chứng, Trung tâm đấu giá... thành đơn vị sự nghiệp tự chủ làm đầu tàu về chuyên môn, nghiệp vụ theo tinh thần Nghị quyết số 18/NQ-TW về một số vấn đề tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả và Nghị quyết số 19/NQ-TW về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập.

- Công tác trợ giúp pháp lý: (1) Tình hình triển khai thi hành Luật TGPL năm 2017 (triển khai Quyết định số 1355/QĐ-TTg ngày 12/9/2017 của Thủ tướng Chính phủ) và các văn bản quy định chi tiết thi hành; (2) Tình hình triển khai Đề án đổi mới công tác TGPL giai đoạn 2015-2025; (3) Kết quả thực hiện TGPL tại địa phương, có đánh giá và số liệu về số lượt người được TGPL, số vụ việc được TGPL (trong đó có số liệu vụ việc tham gia tố tụng phân theo người thực hiện; so sánh với cùng kỳ năm trước); đánh giá chất lượng vụ việc TGPL; công tác phối hợp TGPL trong hoạt động tố tụng...

- Kết quả công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp: Việc xây dựng, triển khai các văn bản, kế hoạch, chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp; tình hình triển khai thực hiện Nghị định số 55/2019/NĐ-CP ngày 24/6/2019 của Chính phủ về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.

6. Công tác xây dựng Ngành; đào tạo, bồi dưỡng; nghiên cứu khoa học pháp lý

- Hoàn thiện thể chế, kiện toàn tổ chức bộ máy, cán bộ của các cơ quan tư pháp, pháp chế. Tình hình thực hiện Công văn số 308-CV/BCSD ngày 16/8/2018 của Ban cán sự Đảng Bộ Tư pháp gửi Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thành ủy các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về việc đề nghị phối hợp chỉ đạo sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy các cơ quan tư pháp địa phương.

- Công tác tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ. Kết quả thực hiện pháp luật về bình đẳng giới trong công tác tư pháp và công tác cán bộ Ngành Tư pháp.

- Công tác nghiên cứu khoa học pháp lý.

7. Công tác thanh tra, kiểm tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng

Nêu kết quả trong từng lĩnh vực cụ thể.

8. Quản lý nhà nước về công tác pháp chế

Quản lý nhà nước trong công tác pháp chế; tình hình xây dựng, củng cố và kiện toàn tổ chức pháp chế tại các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; chất lượng đội ngũ làm công tác pháp chế...

9. Công tác thi đua khen thưởng; cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật

- Công tác thi đua khen thưởng.

- Tình hình cập nhật, khai thác và sử dụng văn bản trên cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật theo quy định tại khoản 6, Điều 23, Nghị định số 52/2015/NĐ-CP ngày 28/5/2015 của Chính phủ về Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật, trong đó nêu rõ: Số lượng văn bản đã cập nhật lên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật/Số lượng văn bản đã ban hành; số lượng văn bản đã kiểm tra, rà soát theo quy định tại Điều 3 của Nghị định số 52/2015/NĐ-CP.

III . ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Đánh giá chung về những kết quả nổi bật.

2. Những hạn chế, yếu kém và nguyên nhân: Nêu cụ thể trong từng lĩnh vực công tác.

Phần thứ hai:

NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CÔNG TÁC 6 THÁNG CUỐI NĂM 2020

1. Nhiệm vụ công tác tư pháp 6 tháng cuối năm 2020 (nhiệm vụ trên các lĩnh vực công tác cụ thể nêu tại mục II, Phần thứ nhất của Đề cương Báo cáo).

2. Giải pháp chủ yếu.

3. Các đề xuất, kiến nghị (nếu có).

Lưu ý: 16 địa phương thực hiện Đề án Tổng thể đối với người di cư tự do từ Campuchia về Việt Nam, Tiểu Đề án 2, nếu thấy cần thiết phải gia hạn thời gian thực hiện thì có kiến nghị để Bộ Tư pháp tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ.